

BÁO CÁO

**Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11
và một số công tác trọng tâm tháng 12/2022**

Trong tháng, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo rà soát, đánh giá các nhiệm vụ, phần việc trong năm còn tồn đọng để dồn sức thực hiện; hoàn thành các nội dung chuẩn bị trình kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh; tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực: thu ngân sách, tăng trưởng tín dụng, phát triển doanh nghiệp, HTX, giải ngân vốn đầu tư công, sản lượng nuôi trồng thủy sản, công nghiệp chế biến chế tạo tăng khá so với cùng kỳ; tổ chức thành công Lễ hội Ok Om Bok gắn với Tuần lễ Văn hóa, Du lịch - Liên hoan ẩm thực Nam Bộ với nhiều hoạt động phong phú, ý nghĩa thiết thực; lượng khách và doanh thu du lịch tăng so với tháng trước; tổ chức tốt Lễ kỷ niệm và các hoạt động chào mừng 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 gắn với thăm hỏi, động viên các Nhà giáo ưu tú, tiêu biểu, có nhiều cống hiến cho sự nghiệp của ngành giáo dục tỉnh nhà; tình hình dịch Covid-19 có xu hướng giảm; các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa, công tác giảm nghèo, chăm lo đời sống nhân dân, đào tạo nghề, giải quyết việc làm đạt nhiều kết quả quan trọng; tội phạm về trật tự xã hội, ma túy, vi phạm pháp luật về môi trường giảm so với tháng trước. Kết quả thực hiện cụ thể trên một số ngành, lĩnh vực như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH

1. Các cuộc họp, làm việc của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh

Trong tháng, ngoài chỉ đạo điều hành xử lý các công việc thường xuyên theo kế hoạch và chương trình công tác, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì và tham dự 82 cuộc họp, hội nghị; 9 cuộc tiếp và làm việc với Bộ, ngành Trung ương, doanh nghiệp; 19 cuộc kiểm tra, khảo sát thực tế địa phương. Đồng thời, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo một số nội dung như:

Chỉ đạo phổ biến, triển khai thực hiện các nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ như:

Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ ban hành

sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 88/2022/NĐ-CP ngày 26/10/2022 của Chính phủ ban hành Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị quyết số 144/NQ-CP ngày 05/11/2022 của Chính phủ ban hành về việc bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; Quyết định số 22/2022/QĐ-TTg ngày 11/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị định thư (sửa đổi lần 2) Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Bê-la-rút về hỗ trợ sản xuất phương tiện vận tải có động cơ trên lãnh thổ Việt Nam; Quyết định số 21/2022/QĐ-TTg ngày 09/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển giao thông vận tải đường thủy nội địa; Quyết định số 1314/QĐ-TTg ngày 01/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát hiện, bồi dưỡng và phát huy tài năng trẻ Việt Nam giai đoạn 2022 - 2030”; Quyết định số 1286/QĐ-TTg ngày 25/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo đảm nguồn cung ứng vắc xin cho tiêm chủng đến năm 2030; Quyết định số 1285/QĐ-TTg ngày 25/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục bí mật Nhà nước thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao; Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 01/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh đổi mới hoạt động của thư viện trong xây dựng, phát triển kỹ năng đọc, tiếp cận và xử lý thông tin cho thiếu nhi; Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng Việt Nam...

2. Ban hành các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 07 kế hoạch; 160 Quyết định cá biệt và 1.400 văn bản hành chính khác. Ngoài ra Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 30 thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tại các cuộc họp, hội nghị với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN MỘT SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin theo phân bổ của Bộ Y tế, đến ngày 20/11/2022, tỷ lệ tiêm chủng vắc – xin toàn tỉnh đạt 99,76%, trong đó: (1) tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên: Mũi 1 đạt 100,63%, mũi 2 đạt 99,41%, mũi 3 đạt 91,1%, mũi 4 đạt 36,57%; (2) tiêm cho trẻ em từ 12-17 tuổi: Mũi 1 đạt 103,6%, mũi 2 đạt 100,6%, mũi 3 đạt 72,9%; (3) tiêm trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi: Mũi 1 đạt 105,7%; mũi 2 đạt 84,82%.

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh giảm nhẹ so với tháng trước, trong tháng phát hiện 55 ca mắc, tử vong 02 ca; lũy kế đến ngày 20/11/2022, toàn tỉnh ghi nhận 44.506 ca bệnh, tử vong 189 ca⁽¹⁾.

2. Tài chính - ngân hàng

Tổng thu ngân sách 1.545,046 tỷ đồng, lũy kế 11 tháng thu 12.155,303 tỷ đồng, đạt 117,63% dự toán, tăng 1,58% so với cùng kỳ, trong đó: thu nội địa 4.806,754 tỷ đồng, đạt 92,74% dự toán, tăng 11,30% so với cùng kỳ; một số khoản thu tăng khá so với cùng kỳ như: Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước (tăng 6,05%); Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (tăng 6,39%); Thuế thu nhập cá nhân (tăng 44,57%); Các loại phí, lệ phí (tăng 7,72%); Các khoản thu về nhà, đất (tăng 77,27%); Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (tăng 3,08%)... Tổng Chi ngân sách 884,823 tỷ đồng, lũy kế 11 tháng chi 7.827,428 tỷ đồng, đạt 70,86% dự toán, giảm 6,52% so với cùng kỳ⁽²⁾.

Tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD) ổn định, chấp hành tốt quy định lãi suất của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; ước đến cuối tháng 11/2022 vốn huy động đạt 44.650 tỷ đồng, tăng 11,57% so với cuối năm 2021; các TCTD đẩy mạnh kích cầu tín dụng vào cuối năm, hoạt động tín dụng tăng trưởng khá so với tháng trước và cùng kỳ, tổng dư nợ cho vay 37.300 tỷ đồng⁽³⁾, tăng 13,54% so với cuối năm 2021; nợ xấu được kéo giảm so với cùng kỳ (0,94%/cùng kỳ 1,08%). Đối với tín dụng chính sách, dư nợ cho vay 11 tháng ước đạt 3.563 tỷ đồng, tăng 16,02% so với cuối năm 2021. Đến nay, các chi nhánh NHTM đã giải ngân hơn 73,21 tỷ đồng cho 11 lượt doanh nghiệp tham gia Chương trình bình ổn thị trường.

3. Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ

(1) *Thực hiện các chính sách thông qua Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh*, tỉnh được Trung ương giao 257,5 tỷ đồng để thực hiện 05 Chương trình tín dụng chính sách, đến 18/11/2022 đã giải ngân 118,89 tỷ đồng, đạt 46,17% kế hoạch vốn được giao, trong đó:

- Chính sách Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ: đã giải ngân 100 tỷ đồng, đạt 100% vốn được phân bổ;

- Chính sách Cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để mua máy vi tính, thiết bị học tập trực tuyến và trang trải chi phí học tập: Đã giải ngân 1,625 tỷ đồng/05 tỷ đồng, đạt 32,5% vốn được phân bổ;

- Chính sách Cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015, Nghị

¹ Lũy kế từ năm 2020 đến ngày 20/10/2022, toàn tỉnh ghi nhận 65.822 ca mắc, đã điều trị khỏi 65.461 trường hợp, có 328 trường hợp tử vong; hiện tại toàn tỉnh có 33 trường hợp điều trị và 22 trường hợp theo dõi tại nơi cư trú.

² Do giảm chi thường xuyên, trong đó: chi y tế, dân số và gia đình giảm 36,79%; chi các hoạt động kinh tế giảm 9,59%; chi đảm bảo xã hội giảm 57,15%; chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể giảm 11,02%; chi nộp ngân sách cấp trên giảm 14,44%...

³ Trong đó: cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt 19.890 tỷ đồng, chiếm 53%/tổng dư nợ; cho vay xuất khẩu đạt 600 tỷ đồng; cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt 4.050 tỷ đồng...

định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ: Giải ngân 2,786 tỷ đồng/100 tỷ đồng, đạt 2,79% vốn được phân bổ;

- Chính sách Cho vay đối với các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi Covid-19: Giải ngân 560 triệu đồng/2,5 tỷ đồng, đạt 24,10% vốn được phân bổ.

- Chính sách Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022: Giải ngân 13,923 tỷ đồng/50 tỷ đồng, đạt 27,85%.

(2) Thực hiện Chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất 2% từ nguồn Ngân sách Nhà nước theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP: Các NHTM tiếp tục thực hiện công tác truyền thông, công khai hỗ trợ lãi suất trên hệ thống, đưa tin trên website của đơn vị; đến nay, có 03 khách hàng⁽⁴⁾ được hỗ trợ tiếp cận chính sách, tổng dư nợ được hỗ trợ lãi suất 1,65 tỷ đồng.

(3) *Thực hiện chính sách ưu đãi về thuế theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ:*

- *Giảm thuế VAT 2% (đối với cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ):* có 879 doanh nghiệp thực hiện giảm thuế với số tiền khấu trừ 44 tỷ đồng, lũy kế đến nay có 879 doanh nghiệp được thực hiện giảm 622 tỷ đồng, đạt 86,86% kế hoạch.

- *Giảm thuế 20% mức tỷ lệ % khi thực hiện xuất hóa đơn đối với cơ sở kinh doanh, hộ, cá nhân kinh doanh tính thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ phần trăm trên doanh thu:* có 309 cơ sở thực hiện giảm thuế với số tiền giảm 110 triệu đồng, lũy kế đến nay có 2.653 cơ sở triển khai thực hiện giảm 648 triệu đồng, đạt 57,91% kế hoạch.

- *Gia hạn thời gian nộp thuế:* lũy kế đến nay đã gia hạn cho 300 doanh nghiệp và 203 cơ sở, số tiền 129,241 tỷ đồng, đạt 91,63%.

4. Về tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

4.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp, nông thôn:

- Trồng trọt:

+ *Cây lúa:* Đến nay, tổng diện tích lúa xuống giống đạt 199.044 ha, đạt 95,75% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 4,77%; thu hoạch 134.446 ha, năng suất bình quân 5,55 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,14 tấn/ha). Riêng lúa vụ mùa năm 2023, xuống giống 76 ha, lũy kế từ đầu vụ đến nay đã xuống giống 1.142ha, cao hơn cùng kỳ 4,82%.

+ *Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác:* gieo trồng 3.160 ha, lũy kế từ đầu năm đến nay gieo trồng 51.220 ha, đạt 96,24% kế hoạch,

⁴ Gồm 01 doanh nghiệp và 02 hộ kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo; dịch vụ lưu trú, ăn uống; chế biến và bảo quản thủy sản.

cao hơn cùng kỳ 2,04% (1.023 ha), trong đó: màu lương thực 5.800 ha, màu thực phẩm 31.970 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 13.450 ha.

- *Chăn nuôi*: dịch tả heo Châu Phi tái phát và lây lan nhanh, trong tháng dịch bệnh phát sinh tại 11 hộ trên địa bàn 05 xã của 02 huyện Trà Cú và Cầu Ngang; từ khi tái phát dịch (*cuối tháng 9/2022*), dịch tả heo Châu Phi đã xảy ra tại 20 hộ trên địa bàn 07 xã⁽⁵⁾ thuộc các huyện Cầu Kè, Trà Cú và Cầu Ngang, đã tiêu hủy 458 con (100% đàn) với tổng trọng lượng 21,411 tấn. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, lực lượng thú y và địa phương tập trung công tác kiểm tra, giám sát dịch bệnh, tiến hành khoanh vùng, dập dịch, tăng cường tác kiểm dịch⁽⁶⁾, tiêm phòng trên đàn vật nuôi⁽⁷⁾.

- *Thủy lợi nội đồng và phòng chống thiên tai*: Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch phòng chống khô hạn, mặn; tổ chức 19 đợt kiểm tra đê điều, phát hiện và xử lý 06 trường hợp vi phạm. Ảnh hưởng của mưa lớn kéo dài đã làm thiệt hại 391,42 ha lúa⁽⁸⁾, 318,98 ha hoa màu⁽⁹⁾, 30ha cây ăn trái và 6,3 ha thủy sản.

- *Xây dựng nông thôn mới*: Chỉ đạo tập trung rà soát, đánh giá công nhận xã nông thôn mới năm 2022 và hoàn thiện các tiêu chí huyện nông thôn mới đối với các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và Trà Cú; qua rà soát, huyện tự đánh giá: huyện Cầu Ngang đạt 9/9 tiêu chí, Duyên Hải đạt 9/9 tiêu chí. Đến nay, toàn tỉnh có 82/85 xã đạt 19/19 tiêu chí (chiếm 96,47% tổng số xã); 93,43% hộ và 97,97% ấp đạt chuẩn nông thôn mới; 27 xã nông thôn mới nâng cao.

b) Lâm nghiệp:

Trồng mới 0,499 ha rừng tập trung; cấp 05 bảng kê lâm sản xuất bán động vật hoang dã; tổ chức 69 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý 03 vụ vi phạm. Lũy kể đến nay trồng 80 ha rừng tập trung (*vượt 128,5% kế hoạch, tương đương 45 ha*); cấp 88 bảng kê xuất bán động vật hoang dã; tổ chức 717 lượt tuần tra, bảo vệ rừng; phát hiện, xử lý 22 trường hợp vi phạm.

c) Thủy sản:

Trong tháng, thả nuôi các loại thủy sản trên diện tích 1.398 ha, lũy kể 11 tháng nuôi trên diện tích 59.297 ha (đạt 109,4% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 7,07%), diện tích các con nuôi thể mạnh đều tăng so với cùng kỳ⁽¹⁰⁾. Tổng sản lượng thủy hải sản ước đạt 25.486 tấn, nâng tổng số 11 tháng đạt 215.811 tấn⁽¹¹⁾, đạt 91,79% kế hoạch, tăng 3,85% so với cùng kỳ (*tương đương 7.997 tấn*). Quan tâm tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của ngư dân

⁵ Gồm: Tam Ngãi, Phong Thạnh, Thông Hòa, Ngọc Biên, Tân Hiệp, Nhị Trường và Hiệp Hòa.

⁶ Đến nay đã kiểm dịch 221.831 con heo, 12.569 con bò, 1,76 triệu con gia cầm và 362,9 tấn sản phẩm động vật.

⁷ Đến nay, đã tổ chức vận động tiêm phòng vaccine: Cúm gia cầm trên 2,02 triệu con (đạt 46,4% kế hoạch); LMLM 153,7 ngàn con gia súc (đạt 53,61% kế hoạch); Viêm da nổi cục 99 ngàn con (đạt 68,66% kế hoạch); các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 484,7 ngàn liều (đạt 100% kế hoạch); các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 2,86 triệu liều.

⁸ Trên địa bàn 02 huyện: Cầu Ngang (386,42 ha), Trà Cú (05 ha), trong đó thiệt hại dưới 30% là 05 ha, thiệt hại từ 30-70% là 89,4 ha, thiệt hại trên 70% là 297,02 ha.

⁹ Trên địa bàn huyện Cầu Ngang (177,68 ha), huyện Trà Cú (8,9ha) và thị xã Duyên Hải (132,4 ha), trong đó: thiệt hại 30-70% là 15,72 ha, trên 70% là 303,26 ha.

¹⁰ Tôm càng xanh tăng 19,71%; cá tra tăng 2,86%; tôm sú tăng 5,76%; tôm thẻ chân trắng tăng 5,24%; cua biển tăng 6,65%; nghêu – sò huyết tăng 17,02%.

¹¹ Trong đó: sản lượng nuôi 161.271 tấn (đạt 94% kế hoạch, tăng 11,45% so với cùng kỳ), sản lượng khai thác 54.540 tấn, đạt 85,83% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 13,57% (*tương đương 8.566 tấn*).

trong khai thác hải sản; toàn tỉnh có 1.119 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 156.124 CV (266 tàu có chiều dài từ 15 m trở lên); 100% tàu cá đang hoạt động được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình.

4.2. Về sản xuất công nghiệp

Trong tháng, sản xuất công nghiệp phục hồi tốt, giá trị sản xuất công nghiệp ước 2.248,98 tỷ đồng, lũy kế 11 tháng ước đạt 27.725,418 tỷ đồng, đạt 99,61% kế hoạch, giảm 1,58% so với cùng kỳ, trong đó: (1) Công nghiệp chế biến chế tạo tăng 22,02%; (2) Khai khoáng tăng 26,48%; (3) Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,35%; (4) Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 16,71%. Một số các sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo đều tăng khá so với cùng kỳ, như: giấy thành phẩm gấp 2,15 lần; sản xuất túi xách tăng 60,03%; đường kết tăng 37,66%; thuốc viên các loại tăng 30,21%; bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô tăng 22,71%; gạo xay xát tăng 15,39%; nước sinh hoạt tăng 7,67%; may mặc tăng 6,18%; riêng điện sản xuất giảm 33,61%.

Chỉ đạo thực hiện nghiêm các biện pháp an toàn đối với các công trình năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh; thường xuyên đầu tư, cải tạo và nâng cấp lưới điện đáp ứng phụ tải và nhu cầu khách hàng, đầu năm đến nay, phát triển mới 19,64 km đường dây trung thế, 5,93 km đường dây hạ thế, 193 trạm biến áp, phát triển 5.302 hộ sử dụng điện, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,48% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh.

4.3. Thương mại - dịch vụ

Xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng “Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam” năm 2023; tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến về Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương Quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA); Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao năng lực, kỹ năng quản lý chợ, tập huấn thương mại điện tử cho hơn 225 lượt học viên.

Sức mua tại các chợ, siêu thị, cửa hàng tiện lợi tăng khá; giá cả hàng hóa cơ bản ổn định, nguồn cung đảm bảo. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 4.588,138 tỷ đồng, lũy kế 11 tháng đạt 44.358,590 tỷ đồng, đạt 120,69% kế hoạch, tăng 52,62% so với cùng kỳ, tăng mạnh cả 04 lĩnh vực: (i) Bán lẻ hàng hóa tăng 44,02%; (ii) Lưu trú, ăn uống tăng 77,96%; (iii) Dịch vụ du lịch tăng 74,71% và (iv) Dịch vụ khác tăng 73,77%.

4.4. Công tác xúc tiến đầu tư⁽¹²⁾; xúc tiến thương mại; hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp⁽¹³⁾; kinh tế tập thể, hợp tác xã⁽¹⁴⁾

¹² Đến nay, toàn tỉnh có 379 dự án còn hiệu lực, trong đó có 37 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 3,07 tỷ USD và 342 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 137.895,36 tỷ đồng. Trong 379 dự án, có: 287 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh; 44 dự án đang triển khai; 44 dự án đang thực hiện thủ tục pháp lý; 04 dự án đang thực hiện thủ tục chấm dứt dự án.

¹³ Đến nay có 3.589 doanh nghiệp, vốn 56.760 tỷ đồng, 83.336 lao động, động (hiện có 3.056 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 51.918 tỷ đồng, 74.928 lao động), trong đó có 43 doanh nghiệp FDI.

¹⁴ Đến nay toàn tỉnh có 171 HTX và 01 Liên hiệp HTX với vốn điều lệ hơn 173,435 tỷ đồng, thu hút 28.208 thành viên.

Tổ chức thành công Hội chợ⁽¹⁵⁾ và Chợ khởi nghiệp trong khuôn khổ Hội chợ Xúc tiến thương mại và Công nghiệp nông thôn gắn với Lễ hội Ok Om Bok năm 2022.

Tiếp và làm việc với 04 nhà đầu tư trong và ngoài nước⁽¹⁶⁾; trong tháng không có dự án được cấp mới Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư; điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư cho 03 dự án ngoài Khu công nghiệp, khu kinh tế⁽¹⁷⁾, chấm dứt hoạt động 01 dự án⁽¹⁸⁾. Từ đầu năm đến nay, cấp quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 06 dự án trong và ngoài nước (*thấp hơn cùng kỳ 11 dự án*), chấm dứt hoạt động 11 dự án (*gồm 10 dự án trong nước, với tổng vốn đầu tư 478,89 tỷ đồng, 01 dự án nước ngoài vốn 0,23 triệu USD*)⁽¹⁹⁾.

Thành lập mới 41 doanh nghiệp, giải thể xóa tên 11 doanh nghiệp, tạm dừng hoạt động 04 doanh nghiệp; lũy kế đầu năm đến nay phát triển mới 459 doanh nghiệp (*đạt 91,8% kế hoạch*), giải thể 128 doanh nghiệp, tạm dừng hoạt động 116 doanh nghiệp⁽²⁰⁾, đăng ký giao dịch qua mạng đạt 68,08% (*cùng kỳ 54,1%*), chuyển đổi 36 hộ kinh doanh lên doanh nghiệp. Tổ chức 05 lớp tuyên truyền, tập huấn nâng cao trình độ, nhận thức về HTX⁽²¹⁾. Thành lập mới 03 HTX, lũy kế 11 tháng thành lập 21 HTX, đạt 210% kế hoạch.

4.5. Đầu tư xây dựng cơ bản, công tác quy hoạch

Tập trung chỉ đạo, dồn đốc triển khai nhanh công tác xây dựng cơ bản, tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2022 là 4.262,239 tỷ đồng, giải ngân đến ngày 14/11/2022 đạt 59,6% kế hoạch (*cùng kỳ giải ngân đạt 57,4% kế hoạch*). Trong đó: (1) Kế hoạch vốn giao đầu năm 2022 giải ngân 2.325,854/3.732,822 tỷ đồng, đạt 62,3% kế hoạch; (2) Kế hoạch vốn bổ sung năm 2022 giải ngân 94,271 tỷ đồng/302,355 tỷ

¹⁵ Hội chợ với quy mô 300 gian hàng, thu hút 116 các đơn vị, doanh nghiệp tham gia, doanh thu trên 8,5 tỷ đồng, lượng khách đến tham quan bình quân khoảng 13.000 lượt/ngày/đêm.

¹⁶ Tổ chức thúc đẩy ngoại thương Nhật Bản (JETRO) tìm hiểu thông tin về môi trường đầu tư của tỉnh Trà Vinh; Cty CP Thủy sản Thông Thuận Trà Vinh khảo sát thực hiện dự án “Nuôi và đầu tư nhà máy chế biến cá tra xuất khẩu”; Cty Sang Hai (Trung Quốc) tìm hiểu thông tin đầu tư sản xuất đầu dũa; Cty BODYNITS CO.,Ltd (Singapore) quan tâm dự án may mặc.

¹⁷ Gồm: (1) Dự án Nhà kho, xưởng sơ chế nông sản, vườn ươm cây giống HTX NN Long Đức; (2) Dự án xưởng sản xuất chậu trồng cây từ nguyên liệu vôi không dệt thân thiện với môi trường, sản xuất đồ may mặc xuất khẩu và khâu trang y tế của Công ty TNHH MTV Tyler Thanh Võ; (3) Dự án “Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Việt Anh 5” của Công ty TNHH Phát triển Giáo dục và Đào tạo Việt Anh 5.

¹⁸ Dự án đầu tư xây dựng chợ Khu công nghiệp Long Đức của Công ty CP Đầu tư XD chợ Lợi Nhân, vốn đầu tư 16,68 tỷ.

¹⁹ Trong Khu công nghiệp, Khu kinh tế có 04 dự án: dự án Kho xăng dầu Long Toàn của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu sản xuất thương mại Petrol Life với vốn đăng ký 150 tỷ đồng, Dự án đầu tư Kho xăng dầu Petrol Vina của Công ty CP Xuất nhập khẩu thương mại Dầu khí Petrol Vina có vốn đăng ký đầu tư 57 tỷ đồng; Nhà máy sản xuất gạch tuynel của Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Duyên Hải, vốn đăng ký đầu tư 92 tỷ đồng Nhà xưởng sản xuất, gia công ba lô – túi xách và sản xuất thớt nhựa công nghiệp của Công ty TNHH MTV Song Seng, vốn đầu tư 0,23 triệu USD; Ngoài Khu công nghiệp, Khu kinh tế có 07 dự án: dự án Cơ sở dệt chiếu Hàm Tân của HTX dệt chiếu Hàm Tân, vốn đầu tư 31,69 tỷ đồng; dự án “Nuôi nghêu trên đất bãi bồi cồn mới nổi ven biển” của Hợp tác xã nghêu Thành Công, vốn đầu tư 1,94 tỷ đồng; Dự án nhà máy gạch đất sét nung theo công nghệ sấy nung Tuynel của Công ty CP Cosinco Cửu Long, vốn đầu tư 24,04 tỷ đồng; Dự án khu nông nghiệp công nghệ cao của Công ty Cổ phần nông trường xanh, vốn đầu tư 40 tỷ đồng; Phòng tập thể hình và thể dục thẩm mỹ Bội Ngọc của Công ty TNHH MTV Bội Ngọc, vốn đầu tư 4 tỷ đồng; Trang trại rau củ quả hữu cơ của Công ty TNHH Thương mại Nhất Thống, vốn đăng ký đầu tư 50 tỷ; Xây dựng mới chợ Tập Sơn của Công ty Cổ phần ĐT XD chợ Lợi Nhân, vốn đăng ký đầu tư 11,53 tỷ).

²⁰ So với cùng kỳ, số doanh nghiệp thành lập mới tăng 126 DN, số giải thể tăng 54 DN.

²¹ Gồm: 02 lớp tuyên truyền về KTTT, HTX; 01 lớp tập huấn về Quản lý tài chính trong HTX; 01 lớp tập huấn về Quản trị HTX; 02 lớp tập huấn về Mô hình kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh cho cán bộ HTX.

đồng, đạt 31,2% kế hoạch; (3) Kế hoạch vốn năm 2021 chuyển sang năm 2022 giải ngân 118,258 tỷ đồng/227,062 tỷ đồng, đạt 52,1% kế hoạch.

Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức Hội nghị thẩm định Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ

5.1. Giáo dục và đào tạo

Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2022)⁽²²⁾; thanh tra chuyên ngành 02 trường THPT⁽²³⁾; kiểm tra công nhận 05 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1⁽²⁴⁾; triển khai kế hoạch chuẩn bị kiểm tra công nhận xã, huyện đạt chuẩn PCGD, XMC năm 2022; đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt hoàn thiện Tài liệu giáo dục địa phương lớp 7 và lớp 10.

5.2. Khoa học và công nghệ

Kiểm tra đánh giá 07 đề tài khoa học cấp tỉnh⁽²⁵⁾; hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu độc quyền cho 01 đơn vị⁽²⁶⁾; phê duyệt 01 kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở⁽²⁷⁾; kiểm tra về đo lường tại 03 cơ sở kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh⁽²⁸⁾. Tiếp tục nhận hồ sơ tham gia cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Trà Vinh năm 2022⁽²⁹⁾; kiểm định 5.751 phương tiện đo⁽³⁰⁾. Ban hành Kế hoạch triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trên phần mềm ISO điện tử cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh năm 2023; đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Văn bằng bảo hộ cho Nhãn hiệu chứng nhận “Tôm Trà Vinh”.

6. Bảo trợ xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

6.1. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm

Giải quyết việc làm mới cho 1.004 lao động, đưa 95 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; lũy kế 11 tháng, giải quyết việc làm cho 21.925 lao động, đạt 95,3% kế hoạch, đưa 802 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đạt 89,1% kế hoạch. Trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 509 lao động với số tiền chi trả 8,8 tỷ đồng; lũy kế 11 tháng trợ cấp cho 9.192 trường hợp với số tiền chi trả trên 157 tỷ đồng. Hướng dẫn Công ty TNHH Hưng Thịnh lập thủ tục đăng ký phân hiệu chi nhánh hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại thị xã Duyên Hải; đến nay các

²² Qua đó, đã tuyên dương, khen thưởng 40 cá nhân tiêu biểu trong phong trào thi đua Kỷ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam; tổ chức các hoạt động tri ân, tặng quà đến các tổ chức và doanh nghiệp đã có nhiều đóng góp cho ngành Giáo dục.

²³ Trường THPT Hồ Thị Nhâm, THPT Bùi Hữu Nghĩa

²⁴ Gồm trường: Mầm non Tuổi Ngọc thị xã Duyên Hải, mẫu giáo Mỹ Hòa huyện Cầu Ngang, mầm non Tuổi Xanh huyện Châu Thành, Tiểu học Hòa An B huyện Cầu Kè, THCS Long Hiệp huyện Trà Cú

²⁵ Lũy kế đến tháng 11/2022, đã kiểm tra 29 nhiệm vụ KH&CN, vượt 45% kế hoạch năm.

²⁶ Hộ kinh doanh Churuvi.

²⁷ Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang.

²⁸ Công ty TNHH Một Thành Viên Taxi Trà Vinh, Doanh nghiệp tư nhân Thanh Thủy và Công ty TNHH Mai Linh Trà Vinh. Kết quả: các cơ sở kinh doanh thực hiện kiểm định taximet đúng quy định.

²⁹ Đến nay, đã tiếp nhận 64 bộ hồ sơ tham gia, rà soát phân loại theo 05 nhóm lĩnh vực dự thi gồm: công nghệ thiết bị; sản xuất kinh doanh sản phẩm chế biến (thực phẩm); nông nghiệp, thủy sản, chăn nuôi; dịch vụ công nghiệp liên quan đến vệ sinh môi trường; dịch vụ liên quan đến du lịch và lĩnh vực khác.

³⁰ Đến tháng 11/2022 đã kiểm định tổng số 30.494 phương tiện đo.

cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tổ chức tư vấn tuyển sinh các cấp trình độ đào tạo nghề cho 15.954/19.000 người, đạt 83,9% kế hoạch⁽³¹⁾.

6.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Giải quyết chế độ chính sách cho 69 trường hợp người có công với cách mạng⁽³²⁾. Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 23 trường hợp theo Quyết định 290, 62, 49 của Thủ tướng Chính phủ. Quyết định trợ cấp một lần cho 04 trường hợp hưởng theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg và Quyết định 188/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện Đề án hỗ trợ gia đình người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở, đến nay đã triển khai xây dựng 1.804/1.943 căn⁽³³⁾, giải ngân đạt 90,5%.

6.3. Bảo trợ xã hội và giảm nghèo

Tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội năm 2022 với 50 học viên tham dự. Kiểm tra công tác tiếp nhận, chăm sóc nuôi dưỡng và quản lý đối tượng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Trà Vinh. Các mạnh thường quân, các tổ chức từ thiện trong và ngoài tỉnh ủng hộ tiền và hiện vật thông qua các chương trình địa chỉ nhân đạo, giúp đỡ cho 7.507 lượt đối tượng, với tổng số tiền 2.259 triệu đồng⁽³⁴⁾.

Xây dựng Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi thực hiện Dự án truyền thông và giảm nghèo thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh. Triển khai Hướng dẫn về thực hiện chính sách hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025. Rà soát, đề xuất Thường trực Tỉnh ủy chủ trương hỗ trợ nhà ở cho 462 hộ cận nghèo từ nguồn Quỹ ASXH tỉnh (dự kiến mức hỗ trợ 40 triệu đồng/căn). Điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022, kết quả sơ bộ toàn tỉnh có 5.661 hộ nghèo, chiếm 1,97% so với số hộ dân cư toàn tỉnh (giảm 4.546 hộ, tỷ lệ giảm 1,59%, vượt chỉ tiêu giao 1,09%); trong đó, hộ nghèo dân tộc Khmer còn 3.410 hộ, chiếm 3,80% so với hộ dân tộc Khmer (giảm 3.052 hộ, tỷ lệ giảm 3,39%, đạt chỉ tiêu giao giảm từ 1% trở lên); Hộ cận nghèo còn 12.089 hộ, chiếm tỷ lệ 4,22% so với số hộ dân cư (giảm 5.126 hộ, tỷ lệ giảm 1,78%).

6.4. Công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025, trong tháng, giải ngân 241 hộ vay vốn với số tiền 10.656 triệu đồng theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP; hỗ trợ cho 10 hộ chuyển đổi nghề với số tiền 100 triệu đồng⁽³⁵⁾; thi công 48/51 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, giải ngân đạt 28,7%; thi công 14/21 công trình

³¹ Trong đó trình độ cao đẳng 943 sinh viên, trình độ trung cấp 437 học sinh, trình độ sơ cấp 1.052 học viên, đào tạo dưới 03 tháng 2.897 lao động, đào tạo theo hình thức truyền nghề, tập nghề 10.625 người.

³² Giải quyết chế độ thờ cúng liệt sĩ 44 trường hợp; chế độ mai táng phí 25 trường hợp.

³³ Trong đó: số căn đã xây dựng hoàn thành là 1.789 căn (đạt 92,07%); số căn đang triển khai xây dựng là 15 căn; số căn chưa triển khai xây dựng là 139 căn.

³⁴ Hỗ trợ Trung tâm Bảo trợ xã hội 119 triệu đồng, Hội Bảo trợ Người khuyết tật và Nạn nhân chất độc da cam/dioxin các cấp 2.140 triệu đồng.

³⁵ Nâng tổng số đến nay, giải ngân 263 hộ với số tiền 11.813 triệu đồng, đạt 23,63%; hỗ trợ cho 10 hộ chuyển đổi nghề với số tiền 100 triệu đồng.

duy tu, bảo dưỡng, giải ngân đạt 19,9% kế hoạch vốn.. Thực hiện vốn viện trợ của Chính phủ Ai Len, đến nay thì công hoàn thành 03/09 công trình, giải ngân đạt 29,3% kế hoạch. Tổng hợp danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2023 - 2027 trên địa bàn các huyện: Cầu Ngang, Duyên Hải, Càng Long và thành phố Trà Vinh.

Thông báo ý kiến kết luận của Đoàn kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo năm 2022 tại 06 đơn vị⁽³⁶⁾. Thăm, chúc mừng chức sắc, chức việc các hệ phái đạo Cao Đài trên địa bàn tỉnh nhân dịp lễ Hạ ngươn và kỷ niệm 98 năm ngày Khai đạo Cao Đài. Chúc sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo làm tốt công tác thiện nguyện với số tiền trên 600 triệu đồng. Triển khai Tháng hành động vì Bình đẳng giới năm 2022. Tặng 220 phần quà cho trẻ em dân tộc Khmer nhân dịp lễ Ok Om Bok.

6.5. Chăm sóc sức khỏe nhân dân

Phát hiện 106 ổ dịch⁽³⁷⁾, 265 ca sốt xuất huyết⁽³⁸⁾, 92 ca bệnh tay chân miệng⁽³⁹⁾, 01 ca sốt phát ban nghi sởi⁽⁴⁰⁾, 05 người nhiễm HIV⁽⁴¹⁾. Thực hiện kiểm dịch y tế quốc tế 27 tàu nhập cảnh, xuất cảnh và hóa cảnh với 458 thuyền viên; cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP 07 hồ sơ⁽⁴²⁾. Kiểm tra vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp tại 06 đơn vị⁽⁴³⁾. Tổ chức hội thi phòng, chống tác hại của thuốc lá; triển khai khám sàng lọc các bệnh không lây nhiễm tại huyện Tiểu Cần; tập huấn truyền thông giáo dục sức khỏe, khám sàng lọc tăng huyết áp, đái tháo đường cho Trạm Y tế xã.

6.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

Tổ chức Tuần lễ Văn hóa, Du lịch - Liên hoan âm thực Nam bộ gắn với Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh năm 2022; Hội nghị Tổng kết hoạt động Liên hiệp Thư viện Đồng bằng sông Cửu Long nhiệm kỳ 2020-2022. Xếp hạng 02 di tích cấp tỉnh⁽⁴⁴⁾. Hướng dẫn các địa phương xét công nhận phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh; tập huấn công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và gia đình năm 2022 tại các huyện Cầu Kè, Càng Long và Cầu Ngang; xây dựng kế hoạch, ban hành Điều lệ Liên hoan gia đình văn hóa tiêu biểu tỉnh Trà Vinh năm 2022.

Tổ chức đăng cai Vòng chung kết giải Bóng chuyền hạng A quốc gia, các giải thể thao và trò chơi dân gian chào mừng Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh năm

³⁶ Cấp huyện: UBND huyện Cầu Ngang, huyện Duyên Hải; Cấp xã: UBND xã Hiệp Hòa và xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang; UBND xã Đôn Châu và xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải.

³⁷ Số ổ dịch giảm 11 ổ so với tháng trước (117 ổ). Tính từ đầu năm, phát hiện 523 ổ dịch, tăng 8 lần so với cùng kỳ năm 2021 (04 ổ).

³⁸ Giảm 107 ca so với tháng trước. Tính từ đầu năm, có 1.407 ca, tăng 3,3 lần so với cùng kỳ năm 2021 (430 ca), không tử vong.

³⁹ Tính từ đầu năm, có 530 ca, tăng 33,1% so với cùng kỳ năm 2021 (398 ca), không tử vong.

⁴⁰ Lũy kế có 01 ca, giảm 05 ca so với cùng kỳ năm 2021 (06 ca).

⁴¹ Lũy kế đến ngày 31/10/2022, số người nhiễm HIV được phát hiện là 2.697 (trong tỉnh là: 2.672 người). Số người chuyển sang bệnh AIDS là 1.687 người. Số người tử vong vì HIV/AIDS là 1.069 người.

⁴² Lũy kế cấp 106 hồ sơ.

⁴³ Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải, huyện Duyên Hải, huyện Cầu Ngang, BVĐKKV Cầu Ngang, Phòng khám đa khoa Hoàn Hảo Trà Vinh, BVĐK Minh Tâm.

⁴⁴ Lũy kế đến nay toàn tỉnh có 52 di tích được xếp hạng (16 di tích cấp quốc gia, 36 di tích cấp tỉnh)

2022⁽⁴⁵⁾. Các vận động viên tham gia thi đấu các giải đạt 17 huy chương các loại. Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch được thực hiện với nhiều hoạt động đa dạng, phong phú⁽⁴⁶⁾; trong tháng lượng khách và doanh thu du lịch có chiều hướng tăng so với tháng trước, tổng doanh thu du lịch 204,507 tỷ đồng (tăng 73,7%), lượt khách tham quan và lưu trú 291.417 lượt người (tăng 113,5%), công suất phòng bình quân đạt 72,6% (tăng 0,9%)⁽⁴⁷⁾.

7. Tài nguyên và môi trường

Thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 các huyện Châu Thành, Càng Long, Tiểu Cần, Trà Cú, Duyên Hải. Lập đề cương dự án điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất 5 năm (2020-2024). Kiểm tra tình hình sử dụng đất của 12 tổ chức được Nhà nước cho thuê đất trên địa bàn tỉnh. Cấp mới 55 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nâng tổng số đã cấp 626.301 giấy, đạt 99,37% diện tích cần cấp giấy. Kiểm tra chấp hành quy định pháp luật về tài nguyên nước đối với 3 công ty, doanh nghiệp; rà soát tình hình mực nước tĩnh và sụt giảm mực nước dưới đất. Phê duyệt và thông báo thực hiện công tác bảo vệ môi trường dự án “Đường dẫn vào nhà máy rác tỉnh Trà Vinh”.

8. Thông tin và truyền thông

Ban hành Kế hoạch truyền thông nâng cao nhận thức về Chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Phê duyệt dự toán Hợp tác sản xuất chương trình phát trên sóng (VTV9) Cần Thơ tuyên truyền về công tác thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh. Tổ chức Hội nghị nâng cao nhận thức chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Kiểm tra, rà soát, khắc phục các lỗ hổng bảo mật⁽⁴⁸⁾. Hệ thống Công dịch vụ công tỉnh cung cấp dịch vụ công mức 3 chiếm 29,6%, mức 4 chiếm 57,9%. Cấp mới 20 chứng thư số⁽⁴⁹⁾, 20 giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh. Thực hiện tốt công tác định hướng các cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông trong tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước⁽⁵⁰⁾.

9. Cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của Đoàn giám sát Ban Pháp chế HĐND tỉnh; kết quả kiểm tra công tác thực hiện cải cách hành chính năm 2022 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn

⁴⁵ Kết quả Ban tổ chức trao 675 huy chương (225 HCV, 225 HCB, 225 HCD), Giấy chứng nhận, Cúp, Cờ và tiền thưởng cho các đơn vị đạt thành tích xuất sắc tại giải.

⁴⁶ Tổ chức chuyến khảo sát (*fantrip*) giới thiệu tuyến du lịch tỉnh Trà Vinh kết hợp Tọa đàm “Triển khai Chương trình phát triển du lịch Việt Nam trên địa bàn tỉnh Trà Vinh” và ký kết liên kết phát triển du lịch đồng bằng sông Cửu Long. Triển lãm, quảng bá du lịch Cụm phía Đông ĐBSCL và “Không gian ẩm thực Nam bộ” tại sự kiện “Tuần Lễ Văn hóa - Du lịch, Liên hoan ẩm thực Nam Bộ gắn với Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh năm 2022”. Hỗ trợ Truyền hình Thông tấn (VNEWS) ghi hình phóng sự “Hành trình Việt” tại các điểm: Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh (Long Đức), bánh tét Trà Cuôn, Làng nghề dệt chiếu Cà hom (Hàm Tân),...

⁴⁷ Lũy kế 11 tháng, tổng doanh thu 823,710 tỷ đồng, với 1.308.574 lượt khách tham quan.

⁴⁸ Lỗ hổng bảo mật ảnh hưởng nghiêm trọng trong FortiOS và FortiProxy; lỗ hổng bảo mật trong các sản phẩm Microsoft.

⁴⁹ Đến nay trên địa bàn tỉnh có 2.580 chứng thư số đang hoạt động.

⁵⁰ Tập trung tuyên truyền các hoạt động hưởng ứng Ngày pháp luật Việt Nam năm 2022; Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2022; Tuần lễ Văn hóa, Du lịch - Liên hoan ẩm thực Nam bộ gắn với Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh năm 2022; tôn vinh, tri ân nhà giáo, giáo dục nghề nghiệp nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982 - 20/11/2022); ứng phó với cơn bão số 6 (bão NESAT); ...

tỉnh. Thẩm định Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc của 01 đơn vị sự nghiệp công lập⁽⁵¹⁾; Đề án thành lập mới 03 đơn vị sự nghiệp công lập⁽⁵²⁾. Tuyển dụng công chức của tỉnh Trà Vinh năm 2022. Tiếp tục 03 đoàn thanh tra hành chính⁽⁵³⁾; thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 32 cuộc và 197 lượt tuần tra, kiểm tra (*lĩnh vực giao thông 136 lượt, lĩnh vực nông nghiệp 61 lượt*), phát hiện và xử lý 32 trường hợp vi phạm⁽⁵⁴⁾. Kết luận Đoàn thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại 01 đơn vị⁽⁵⁵⁾.

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: đã tiếp 432 lượt người đến khiếu nại, tố cáo, nhận 368 đơn, giải quyết 90/254 đơn thuộc thẩm quyền, đạt 35,4% (giải quyết đơn tố cáo đạt 40%, đơn khiếu nại đạt 33,3%, đơn yêu cầu đạt 40%, đơn phản ánh, kiến nghị đạt 50%, đơn tranh chấp đất đai đạt 27,7%)⁽⁵⁶⁾.

10. Quốc phòng, an ninh

Chỉ đạo lực lượng công an, quân sự, biên phòng phối hợp tuần tra, kiểm soát đảm bảo an toàn tuyệt đối các hoạt động Tuần lễ Văn hóa, Du lịch – Liên hoan ẩm thực Nam bộ gắn với Lễ hội Ok – Om – Bok năm 2022 và các đoàn công tác của lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

Tổ chức lễ ra quân thực hiện đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự Tết Nguyên đán Quý Mão 2023⁽⁵⁷⁾; tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”.

Đầu năm đến nay: xảy ra 226 vụ tội phạm về trật tự xã hội (*giảm 85 vụ so với cùng kỳ*), điều tra làm rõ đạt 98%; phát hiện 94 vụ tội phạm về ma túy (*không tăng giảm so với cùng kỳ*); phát hiện 12 vụ tội phạm về kinh tế (*giảm 02 vụ so với cùng kỳ*); xảy ra 36 vụ tai nạn giao thông (*giảm 02 vụ, giảm 03 người chết, giảm 02 người bị thương so với cùng kỳ*). Chỉ đạo tổng rà soát, kiểm tra PCCC và cứu nạn cứu hộ; kiểm tra an toàn PCCC tại 1.389 cơ sở; tổ chức thực tập 135 phương án chữa cháy, cứu nạn cứu hộ.

III. HẠN CHẾ

Sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng của thời tiết (lúa, hoa màu, cây ăn trái, thủy sản bị thiệt hại do mưa lớn, mức độ thiệt hại từ 30-70%); năng suất, sản lượng lúa thấp hơn cùng; dịch tả heo Châu Phi chậm được khoanh vùng, khống chế; giải ngân vốn Chương trình phục hồi kinh tế chưa đạt yêu cầu;

⁵¹ Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc của Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (giai đoạn 2022-2026).

⁵² Đề án thành lập Trung tâm Kỹ thuật Dịch vụ nông nghiệp trực thuộc UBND các huyện Châu Thành, Cầu Kè, Tiểu Cần.

⁵³ Lũy kế 11 tháng đã và đang thực hiện 40 cuộc thanh tra hành chính, ban hành kết luận 21 cuộc; kết quả qua thanh tra phát hiện tổng sai phạm số tiền 24.239,9 triệu đồng, kiến nghị thu hồi 11.189,5 triệu đồng, kiến nghị xử lý khác 13.051,3 triệu đồng.

⁵⁴ Lũy kế 11 tháng đã triển khai 352 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với 4.271 tổ chức, cá nhân; ban hành 287 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 3.635,8 triệu đồng.

⁵⁵ UBND phường 4, thành phố Trà Vinh.

⁵⁶ Lũy kế 11 tháng đã tiếp 3.707 lượt người, tiếp nhận 2.420 đơn, thuộc thẩm quyền 1.545 đơn, đã giải quyết được 1.090/1.545 đơn, đạt 70,5%.

⁵⁷ Diễn ra từ ngày 15/11/2022 đến hết ngày 05/02/2023.

công tác tiêm vắc-xin phòng Covid-19 ở một số nơi còn chậm; tai nạn giao thông tăng so với tháng trước; tỷ lệ giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo còn thấp.

IV. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM THÁNG 12/2022

Căn cứ Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022; trong tháng 12, tập trung thực hiện các công tác trọng tâm sau:

1. Tập trung rà soát, dồn sức thực hiện các nhiệm vụ còn lại trong năm; chuẩn bị tốt các nội dung phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm 2022 và giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2023. Hoàn chỉnh Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo báo cáo của Hội đồng thẩm định.

2. Tập trung hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng xuống giống dứt điểm lúa vụ đông xuân 2022 - 2023 theo đúng lịch thời vụ. Thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh về công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; tăng cường phòng, chống dịch tả heo Châu Phi không để phát sinh diện rộng. Theo dõi tình hình thu hoạch các loại thủy sản, hướng dẫn nông dân thả nuôi diện tích còn lại của năm 2022 và chuẩn bị tốt cho vụ nuôi 2022 - 2023, gắn với công tác tuyên truyền, khuyến khích luân canh, chuyển đổi đất sản xuất lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản, hoa màu hoặc cây trái. Chủ động kế hoạch ứng phó nguy cơ hạn hán, xâm nhập mặn mùa khô 2022-2023.

Tiếp tục huy động mọi nguồn lực cùng cố, dồn sức hoàn thiện các tiêu chí huyện nông thôn mới chưa đạt của huyện Cầu Ngang, Duyên Hải; chủ động hoàn thiện hồ sơ trình Trung ương thẩm định, xét công nhận 02 huyện Cầu Ngang, Duyên Hải đạt chuẩn nông thôn mới đúng trình tự, thủ tục. Tập trung rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu của các xã dự kiến đạt chuẩn năm 2022. Rà soát, củng cố các HTX yếu kém.

3. Tập trung theo dõi, nắm chắc tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, HTX phục vụ thị trường cuối năm. Thường xuyên thông tin tình hình thị trường xuất khẩu, các sự kiện xúc tiến thương mại; hỗ trợ doanh nghiệp kết nối với các Sàn thương mại điện tử; tổ chức 02 phiên chợ hàng Việt về nông thôn. Rà soát và giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh của các cửa hàng bán lẻ xăng dầu, đảm bảo đầy đủ nguồn cung. Theo dõi, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư triển khai nhanh các dự án, nhất là dự án khí Hydro xanh. Ban hành Quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với Cụm công nghiệp.

Tổ chức Ngày hội Khởi nghiệp tỉnh Trà Vinh năm 2022; sơ kết 03 năm thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TU ngày 25/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp phát triển doanh nghiệp, sơ kết 03 năm Đề án Khởi nghiệp tỉnh Trà Vinh.

4. Rà soát, dồn đốc, huy động kịp thời các khoản thu còn thấp so với dự toán; tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn sản

xuất cho thị trường cuối năm gắn với kiểm soát, xử lý nợ xấu. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn xây dựng cơ bản bảo đảm đạt yêu cầu kế hoạch.

5. Tập trung công tác kiểm tra công nhận các huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2022; kiểm tra công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia. Tăng cường quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; triển khai Giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2022; tiếp tục triển khai cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Trà Vinh năm 2022.

6. Đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc-xin phòng Covid-19, chủ động chuyển vắc xin giữa các địa phương để hoàn thành kế hoạch tiêm theo số lượng được phân bổ. Quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh trên người, nhất là dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng...; thực hiện tốt công tác tiêm chủng mở rộng.

7. Nắm chắc tình hình công nhân lao động, việc chi trả lương, thưởng, đóng bảo hiểm, cắt giảm lao động của các công ty, doanh nghiệp. Tập trung giải ngân vốn hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo còn khó khăn về nhà ở theo kế hoạch; thực hiện việc rà soát hộ nghèo, cận nghèo bảo đảm chính xác, khách quan, nhất là trên địa bàn huyện Trà Cú. Hoàn thành công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022.

8. Kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn các huyện, thành phố. Vận hành đưa vào sử dụng phần mềm hệ thống thông tin dữ liệu công tác dân tộc tỉnh Trà Vinh. Thăm hỏi, chúc mừng các chức sắc, chức việc, các tôn giáo nhân dịp lễ Thiên Chúa Giáng sinh năm 2022. Tổ chức các hoạt động thực hiện Tháng hành động vì Bình đẳng giới năm 2022.

9. Kiểm tra công nhận, tái công nhận các danh hiệu văn hóa. Tổ chức Liên hoan gia đình văn hóa tiêu biểu tỉnh Trà Vinh năm 2022. Hoàn thành hồ sơ khoa học cấp Quốc gia di tích Thiên Hậu Cung đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xét xếp hạng di tích. Tăng cường các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch trên địa bàn. Tiếp tục triển khai Kế hoạch cung cấp 100% dịch vụ Công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 trong năm 2022. Tăng cường công tác tuyên truyền, vai trò của Báo, Đài trong việc định hướng thông tin, dư luận xã hội.

10. Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra về bảo vệ môi trường các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh, nhất là tình hình công tác bảo vệ môi trường đối với các dự án thuộc Trung tâm Điện lực Duyên Hải.

11. Hoàn thành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2023. Tiếp tục sắp xếp các cơ quan chuyên môn theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020; kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ; thực hiện các bước chuyển đổi 06 đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần. Phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức tỉnh Trà Vinh năm 2022. Tiếp tục các đoàn thanh tra

theo kế hoạch; thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng quy định.

12. Duy trì trực sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc tình hình, tập trung thực hiện đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự Tết Nguyên đán Quý Mão 2023; đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Dự án sản xuất, cấp, quản lý căn cước công dân và Đề án 06./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ KH&ĐT (b/c);
- Vụ IV-VPCP;
- Bộ Tư lệnh QK9;
- TT.TU; TTHĐND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- HĐND, UBND các huyện, Thị xã, thành phố;
- LĐ VP.UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu VT, THNV. *04*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Văn Hân



Phụ lục 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2022

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2021	Năm 2022			So sánh (%)	
				Kế hoạch	U'TH tháng 11	U'TH 11 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	11,966.050	10,333.129	1,545.046	12,155.302	117.63	101.58
	<i>Trong đó: Thu nội địa</i>	Tỷ đồng	4,318.889	5,183.000	387.955	4,806.754	92.74	111.30
2	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	8,374.761	11,047.605	884.823	7,828.428	70.86	93.48
3	Số dự án đầu tư đăng ký mới⁽¹⁾	Dự án	17		0	6		35.29
	- Số dự án trong nước	Dự án	16			5		31.25
	- Số vốn đăng ký trong nước	Tỷ đồng	10,320.76			12,821.10		124.23
	- Số dự án FDI	Dự án	1	5		1		100.00
	- Vốn đăng ký FDI	triệu USD	0.25	70		3.00		1,200.00
4	Phát triển doanh nghiệp⁽²⁾							
	- <i>Thành lập mới</i>							
	+ Số doanh nghiệp	DN	333	500	41	459	91.80	137.84
	+ Số chi nhánh, địa điểm kinh doanh		238		30	285		119.75
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	5,674.0		198.00	5,511.0		97.13
	- <i>Đăng ký bổ sung</i>							
	+ Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc	DN	568		65	1,039		182.92
	+ Vốn bổ sung	Tỷ đồng	3,385		138	4,602		135.95
	- <i>Giải thể</i>	DN	74		12	128		172.97

(1) Đến nay có 379 dự án còn hiệu lực, trong đó có 37 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 3.066,43 triệu USD và 342 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 137.895,36 tỷ đồng (Trong tháng thu hồi 01 dự án trong nước với vốn 16,68 tỷ đồng)

(2) Đến nay có 3.589 doanh nghiệp, vốn 56.760 tỷ đồng, 83.336 lao động, động (hiện có 3.056 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 51.918 tỷ đồng, 74.928 lao động), trong đó có 43 doanh nghiệp FDI

Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2021	Kế hoạch	ƯTH tháng 11	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/11	Kế hoạch	Cùng kỳ
Năm 2022					So sánh (%)	

A	NÔNG NGHIỆP	Diện tích gieo trồng hàng năm	Ha	259,213	261,102	5,428	250,264	95.85	96.55
	*	Cây lương thực có hạt							
		- Diện tích gieo trồng	ha	212,807	211,832	2,453	202,664	95.67	95.23
		- Diện tích thu hoạch	ha	138,563	211,818	982	138,066	65.18	99.64
		- Sản lượng	Tấn	787,313	1,195,377	5,190	767,733	64.23	97.51
	1	Lúa cả năm							
		- Diện tích gieo sạ	Ha	209,016	207,882	2,268	199,044	95.75	95.23
		- Diện tích thu hoạch	Ha	135,545	207,868	79	134,446	64.68	99.19
		- Năng suất	Tấn/ha	5.69	5.65		5.55	98.24	97.46
		- Sản lượng	Tấn	771,405	1,173,564	284	745,692	63.54	96.67
	a	Lúa mùa							
		- DT gieo sạ	Ha	1,340	1,090		1,090	100.00	81.31
		- Diện tích thu hoạch	Ha	1,340	1,090		1,090	100.00	81.31
		- Năng suất	Tấn/ha	4.83	4.78		4.78	100.00	98.95
		- Sản lượng	Tấn	6,471	5,206		5,206	100.00	80.45
	b	Vụ Đông Xuân							
		- Diện tích xường giống	Ha	59,734	63,326		63,326	100.00	106.01
		- Diện tích thu hoạch	Ha	59,734	63,311		63,311	100.00	105.99
		- Năng suất	Tấn/ha	6.41	6.50		6.50	100.00	101.46
		- Sản lượng	Tấn	382,643	411,482		411,482	100.00	107.54
	c	Lúa Hè thu							
		- Diện tích gieo sạ	Ha	72,779	69,967		69,967	100.00	96.14
		- Diện tích thu hoạch	Ha	72,661	69,967		69,967	100.00	96.29
		- Năng suất	Tấn/ha	5.14	5.25		4.70	89.49	91.46
		- Sản lượng	Tấn	373,240	367,327		328,721	89.49	88.07
	d	Lúa Thu đông							
		- Diện tích gieo sạ	Ha	75,163	73,500	2,268	64,662	87.98	86.03
		- Diện tích thu hoạch	Ha	1,810	73,500	79	79	0.11	4.36
		- Năng suất	Tấn/ha	5.00	5.30	3.59	3.59	67.73	71.79
		- Sản lượng	Tấn	9,051	389,550	284	284	0.07	3.13
	2	Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác							
		- Diện tích gieo trồng	Ha	50,197	53,220	3,160	51,220	96.24	102.04
		- Diện tích thu hoạch	Ha	44,075	53,220	10,842	51,220	96.24	116.21
		- Năng suất bình quân	tấn/ha	24.80	26.10	26.33	26.26	100.64	105.92
		- Sản lượng	Tấn	1,092,878	1,388,910	285,422	1,345,257	96.86	123.09
a	Màu lương thực	- Diện tích gieo trồng	Ha	6,000	6,250	240	5,800	92.80	96.67
		- Diện tích thu hoạch	Ha	4,791	6,250	1,674	5,800	92.80	121.05
		- Năng suất bình quân	tấn/ha	9.26	9.84	10.63	10.48	106.42	113.09
		- Sản lượng	Tấn	44,387	61,528	17,792	60,763	98.76	136.89
		Trong đó:							
		+ Bắp:							
		- Diện tích gieo trồng	Ha	3,791	3,950	186	3,620	91.65	95.49
		- Diện tích thu hoạch	Ha	3,018	3,950	903	3,620	91.65	119.93
		- Năng suất	Tấn/ha	5.27	5.52	5.43	6.09	110.26	115.53
		- Sản lượng	Tấn	15,907	21,813	4,906	22,041	101.05	138.56
		+ Khoai lang							
		- Diện tích gieo trồng	Ha	1,217	1,250	39	1,250	100.00	102.68
		- Diện tích thu hoạch	Ha	968	1,250	453	1,250	100.00	129.11

T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2021	Kế hoạch	ƯTH tháng 11	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/11	Kế hoạch	Cùng kỳ	T
	- Năng suất	Tấn/ha	16,33	17,36	17,21	16,99	97,83	104,01	
	- Sản lượng	Tấn	15,812	21,704	7,791	21,233	97,83	134,28	
	+ <i>Khối m?</i>								
	- Diện tích gieo trồng	Ha	613	650	0	550	84,62	89,79	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	486	650	167	550	84,62	113,06	
	- Năng suất	Tấn/ha	15,74	18,00	16,36	20,89	116,05	132,71	
	- Sản lượng	Tấn	7,657	11,700	2,738	11,489	98,20	150,05	
	+ <i>Cây có củ khác</i>								
	- Diện tích gieo trồng	Ha	379	400	15	380	95,00	100,26	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	318	400	151	380	95,00	119,37	
	- Năng suất	Tấn/ha	15,74	15,78	15,58	15,79	100,08	100,31	
	- Sản lượng	Tấn	5,011	6,311	2,357	6,000	95,07	119,75	
b	Màu thực phẩm								
	- Diện tích gieo trồng	Ha	30,546	32,670	2,280	31,970	97,86	104,66	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	27,574	32,670	6,113	31,970	97,86	115,94	
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	22,21	22,90	22,64	21,89	95,57	98,56	
	- Sản lượng	Tấn	612,433	748,302	138,431	699,835	93,52	114,27	
	Trong đó:								
	+ <i>Rau màu các loại</i>								
	- Diện tích gieo trồng	Ha	30,096	32,200	2,271	31,500	97,83	104,67	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	27,176	32,200	6,042	31,500	97,83	115,91	
	- Năng suất	Tấn/ha	22,51	23,21	22,89	22,19	95,59	98,57	
	- Sản lượng	Tấn	611,723	747,362	138,294	698,895	93,51	114,25	
	+ <i>Đậu các loại</i>								
	- Diện tích gieo trồng	Ha	451	470	9	470	100,00	104,30	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	398	470	71	470	100,00	117,97	
	- Năng suất	Tấn/ha	1,78	2,00	1,92	2,00	100,00	112,30	
	- Sản lượng	Tấn	710	940	137	940	100,00	132,47	
c	Cây công nghiệp hàng năm								
	- Diện tích gieo trồng	Ha	13,651	14,300	641	13,450	94,06	98,53	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	11,709	14,300	3,055	13,450	94,06	114,87	
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	37,24	40,50	42,30	43,47	107,34	116,72	
	- Sản lượng	Tấn	436,058	579,080	129,199	584,659	100,96	134,08	
	Trong đó:								
	+ <i>Mía cây</i>								
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,370	1,500	46	1,350	90,00	98,51	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,237	1,500	316	1,350	90,00	109,12	
	- Năng suất	Tấn/ha	90,37	94,97	95,82	97,97	103,16	108,41	
	- Sản lượng	Tấn	111,799	142,455	30,258	132,258	92,84	118,30	
	+ <i>Đậu phộng</i>								
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4,267	4,300	202	4,300	100,00	100,78	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	4,058	4,300	547	4,300	100,00	105,98	
	- Năng suất	Tấn/ha	5,22	5,25	5,29	5,01	95,42	95,95	
	- Sản lượng	Tấn	21,184	22,575	2,895	21,542	95,42	101,69	
	+ <i>Cây lạc</i>								
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,483	2,800	191	2,500	89,29	100,70	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,065	2,800	766	2,500	89,29	121,05	
	- Năng suất	Tấn/ha	10,92	11,48	11,49	12,50	108,83	114,43	
	- Sản lượng	Tấn	22,553	32,150	8,802	31,239	97,17	138,51	
	+ <i>Cây khác</i>								
	- Diện tích gieo trồng	Ha	5,531	5,700	203	5,300	92,98	95,83	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	4,349	5,700	1,426	5,300	92,98	121,86	
	- Năng suất	Tấn/ha	64,50	67,00	61,20	75,40	112,54	116,90	

T.T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2021	Kế hoạch	ƯTH tháng 11	Công dân từ đầu vụ đến 15/11	Kế hoạch	So sánh (%)	
								Năm 2022	
B	LÂM NGHIỆP		- Sản lượng	Tấn	280,522	381,900	87,244	399,620	104.64
			- Sản lượng						142.46
			- DT rừng trồng tập trung	Ha	52	35	80	228.57	153.85
			- DT rừng trồng được chăm sóc	Ha	283	310	310	100.00	109.54
			- DT giao khoán bảo vệ	Ha	3,290	3,435	3,435	100.00	104.41
		THUY - HẢI SẢN:							
			Tổng sản lượng	Tấn	207,814	235,115	25,486	215,811	91.79
			Trong đó : - Tôm các loại	"	77,767	90,978	6,786	86,648	95.24
			- Sản lượng Khai thác	Tấn	63,106	63,545	9,921	54,540	85.83
			+ Khai thác hải sản (mùn, lợ)	Tấn	56,840	56,513	9,289	48,220	85.33
	+ Khai thác nội đồng (nước ngọt)		Trong đó : - Tôm các loại	"	4,271	6,568	1,426	5,850	89.07
			- Cá các loại	"	27,516	28,674	4,090	25,120	87.61
			- Hải sản khác	"	25,052	21,271	3,772	17,250	81.10
			- Sản lượng	Tấn	6,266	7,032	632	6,320	89.88
			Trong đó: - Tôm các loại	"	589	628	20	637	101.43
			- Cá các loại	"	1,692	1,654	123	1,673	101.16
			- Thủy sản khác	"	3,986	4,750	489	4,010	84.42
			- Sản lượng Nuôi trồng thủy sản	Tấn	144,709	171,570	15,566	161,271	94.00
			Trong đó: + Vùng mặn lợ	"	79,936	91,105	7,743	89,069	97.77
			- Tôm sú	"	12,774	14,029	833	12,782	91.11
	- Tôm thẻ chân trắng		- Tôm thẻ chân trắng	"	58,696	67,803	4,415	65,560	96.69
			- Cua biển	"	6,655	7,037	1,416	6,560	93.23
			- Thủy sản khác	"	1,810	2,236	1,080	4,167	186.36
			+ Vùng nước ngọt	"	64,772	80,465	7,822	72,202	89.73
			- Tôm càng xanh	"	1,436	1,950	93	1,819	93.28
			- Cá lóc	"	46,597	51,087	4,501	50,403	98.66
			- Cá tra, cá ba sa	"	4,344	5,988	2,012	6,250	104.38
			- Cá các loại	"	12,395	21,440	1,217	13,729	64.04
			- Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	55,383	54,200	1,398	59,297	109.40
			- Diện tích nuôi mún, lợ	Ha	51,683	50,200	1,103	54,867	109.30
	Trong đó: - Nuôi tôm sú		- Tôm thẻ chân trắng	"	7,528	8,200	104	7,922	96.61
			- Nuôi cua biển	"	21,843	20,500	516	23,295	113.63
			- Thủy sản khác	"	470	1,200	-	550	45.83
			- Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	3,700	4,000	294	4,429	110.74
			* Tình hình nuôi tôm sú						
			- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	20,017	274	21,876		109.29
			- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2,314	10	1,733		74.89
			- Diện tích thả nuôi	Ha	21,842.73	483.60	23,100.00		105.76
			- Diện tích bị thiệt hại	Ha	122.30	4.50	692.45		566.19
			- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1,384.98	8.05	1,508.00		108.88
	- Số con giống bị thiệt hại		Triệu con		199.89	1.35	199.25		99.68
			- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	14.43	16.77	13.21		91.55
			* Tình hình nuôi tôm thẻ chân trắng						
			- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	18,698	364	19,171		102.53
			- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2,640	54	3,126		118.41
			- Diện tích thả nuôi	Ha	7,527.58	103.77	7,922.35		105.24
			- Diện tích bị thiệt hại	Ha	962.12		1,284.78		133.54

T	T	Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2021	Kế hoạch	ƯTH tháng 11	Công dồn từ đầu vụ đến 15/11	Kế hoạch	Cùng kỳ	So sánh (%)	
										Năm 2022	
		- Số con giống thả nuôi	Trệu con	4,835.00		217.06	5,720.00		118.30		
		- Số con giống bị thiệt hại	Trệu con	574.16		12.02	926.75		161.41		
		- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	11.88		5.54	16.20		136.44		

PHỤ LỤC SỐ 3. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2022

TT	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2021	Kế hoạch	Năm 2022				So sánh (%)	
				ƯTH tháng 11	ƯTH 11 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ	Kế hoạch	Cùng kỳ
A	Giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN (Giá 2010)	Tỷ đồng	28,169.518	27,835.000	2,248.980	27,725.418	99.61	98.42	
		Tỷ đồng	9.273	14.000	1.108	11.728	83.77	126.48	
		- Khai khoáng							
		Tỷ đồng	10,853.169	14,252.000	1,102.881	13,242.642	92.92	122.02	
		- Công nghiệp chế biến, chế tạo							
		Tỷ đồng	17,039.109	13,219.000	1,118.538	14,191.424	107.36	83.29	
		- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.							
		Tỷ đồng	267.967	350.000	26.452	279.623	79.89	104.35	
		- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải							
	Sản phẩm chủ yếu:								
		Tần	6,593	7,760	652	5,839	75.25	88.57	
		Tần	5,951	8,192		8,192	100.00	137.66	
		Tần	7,421	5,816	698	6,606	113.58	89.02	
		Tần	953	1,527	113	1,241	81.27	130.21	
		Tr.viên	3,697	10,000	363	3,926	39.26	106.18	
		1000chiếc	1,578	2,100	150	1,592	75.82	100.92	
		1000m2	29,013	39,525	2,767	31,239	79.04	107.67	
		1000m3	8,613	11,800	1,097	10,570	89.57	122.71	
		1000 bộ	3,047	11,986	511	4,876	40.68	160.03	
B	TỶ LỆ HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG TỈNH								
		%	99.24	99.50		99.48	99.98	100.24	
		Hộ	3,022	4,500	668	5,302	117.82	175.45	
		Phát triển hộ sử dụng điện							
	TỔNG MỨC BÀN LỄ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ	Tỷ đồng	29,064.16	36,754.00	4,588.14	44,358.59	120.69	152.62	
		Tỷ đồng	21,268.11	26,467.00	3,194.29	30,629.65	115.73	144.02	
		Bán lẻ hàng hoá							
		Tỷ đồng	4,331.33	5,526.00	828.06	7,708.09	139.49	177.96	
		Dịch vụ lưu trú, ăn uống							
		Tỷ đồng	13.86	21.00	4.83	24.22	115.35	174.71	
		Du lịch lữ hành							
		Tỷ đồng	3,450.86	4,740.00	560.95	5,996.62	126.51	173.77	
		Dịch vụ khác							

